

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc “*Xin ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*”, giữa:
- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1989. (Có mặt).
- Bị đơn: Anh Hà Đình N, sinh năm: 1979. (Có mặt).
Cùng địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.
Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Hà Đình N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Hà Đình N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Hà Đình N có 01 con chung là cháu Hà Ngọc T1, sinh ngày 07/01/2011. Hai bên thống nhất thỏa thuận chị Nguyễn Thị Thu T là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Hà Ngọc T1 cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động và tự lập được.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Hà Đình N thỏa thuận anh Hà Đình N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng là 2.000.000 đồng/ tháng (hai triệu đồng một tháng); Phương thức cấp dưỡng: gửi tiền mặt vào ngày 15 hàng tháng; Thời gian cấp dưỡng: Kể từ quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hà Ngọc T1 đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động và tự lập được.

Anh Hà Đình N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị Thu T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Hà Đình N không thực hiện hoặc chậm thực hiện cấp dưỡng số tiền nêu trên, thì phải trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 công bố tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Hà Đình N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Hà Đình N không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

Áp dụng Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chị Nguyễn Thị Thu T tự nguyện nhận nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002433, ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Glei;
- Chi cục THADS huyện Đăk Glei;
- UBND thị trấn Đăkglei;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN